TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Số: 21/2018/QĐST-HNGĐ	P, ngày 23 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 164/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Minh C**, sinh năm 1987

Trú ở: Thôn H, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên

- Bị đơn: Chị **Huỳnh Thị Ngọc H**, sinh năm 1994

Trú ở: Thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ngân hàng Chính sách xã hội V; Địa chỉ: Số 169, Phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội do Bùi Ngọc K – chức vụ : Giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện P, tỉnh Phú Yên làm đại diện; Địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Minh C và chị Huỳnh Thị Ngọc H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Nguyễn Minh C và chị Huỳnh Thị Ngọc H thống nhất thỏa thuận giao con chung Nguyễn Huỳnh K, sinh ngày 19/8/2014 cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh C không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Minh C và chị Huỳnh Thị Ngọc H thống nhất tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Minh C, chị Huỳnh Thị Ngọc H và Ngân hàng Chính sách xã hội V – Phòng giao dịch huyện P thống nhất trả nợ vay trong thời kỳ hôn nhân như sau:

Anh Nguyễn Minh C có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội V -

Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện P tổng cộng số tiền vay là 47.041.820đ *(bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi mốt nghìn tám trăm hai mươi đồng)* (tiền nợ gốc 47.000.000đ; tiền nợ lãi 41.820đ), trong đó vay chương trình Hộ cận nghèo 15.000.000đ *(mười lăm triệu đồng),* tiền lãi phát sinh tính đến ngày 12/02/2018 là 14.203đ theo khế ước vay số: 6600000704357535 ngày 19/5/2015; Vay chương trình giải quyết việc làm 20.000.000đ *(hai mươi triệu đồng),* tiền lãi phát sinh tính đến ngày 12/02/2018 là 15.781đ theo khế ước vay số: 6600000704500360 ngày 29/5/2015; Vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn 12.000.000đ *(mười hai triệu đồng),* tiền lãi phát sinh tính đến ngày 12/02/2018 là 11.836đ theo khế ước vay số: 6600000706398269 ngày 23/12/2015 đã được ký kết giữa Ngân hàng chính sách xã hội V - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện P, tỉnh Phú Yên với chị Huỳnh Thị Ngọc H.

Về thời hạn trả nợ: Chia làm 02 đợt:

Đợt 1: Từ ngày 12/02/2018 đến ngày 08/5/2018, anh Nguyễn Minh C phải trả số tiền 35.029.984đ *(ba mươi lăm triệu không trăm hai mươi chín nghìn chín trăm tám mươi bốn đồng)* (trong đó 15.014.203đ vay chương trình hộ cận nghèo; 20.015.781đ vay chương trình giải quyết việc làm) là dứt điểm (theo như khế ước đã ký kết).

Đợt 2: Từ ngày 12/02/2018 đến ngày 08/12/2020, anh Nguyễn Minh C phải trả số tiền 12.011.836đ *(mười hai triệu không trăm mười một nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng)* vay chương trình nước sạch vệ sinh môi trường là dứt điểm (theo như khế ước đã ký kết).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành 12/02/2018, anh C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

- **Về án phí**: Anh Nguyễn Minh C tự nguyện chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí HNGĐ-ST. Anh C đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án ký hiệu: AA/2015 số: 0007706 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên, nên hoàn lại cho anh C 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Chị Huỳnh Thị Ngọc H tự nguyện chịu 1.176.000đ *(một triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng)* án phí DSST.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Phú Hòa;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN